TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 290/2026/QĐST-HNGĐ	*Tuyên Quang, ngày 03 tháng 6 năm 2026.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 196/2026/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2026 giữa:

* Nguyên đơn: Chị Triệu Thị T, sinh năm 1993. Địa chỉ: Thôn T, xã K, tỉnh Tuyên Quang.

* Bị đơn: Anh Hà Văn C, sinh năm 1989. Địa chỉ: Thôn N, xã K, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 57, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 118 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 357 và 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 5 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 5 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Triệu Thị T và anh Hà Văn C. *(Giấy chứng nhận kết hôn số 28, ngày 15/12/2023 tại UBND xã P, huyện C, tỉnh Tuyên Quang - nay là UBND xã K, tỉnh Tuyên Quang).*

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị Triệu Thị T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Hà Minh Q, sinh ngày 12/02/2024. Anh Hà Văn C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là Hà Minh Q là 1.500.000 đồng/tháng,

phương thức thực hiện theo tháng, định kỳ vào ngày 01 hàng tháng, thời gian cấp dưỡng từ ngày 01/6/2026 đến khi cháu Q đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác

- Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị T và anh C xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Triệu Thị T là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, anh Hà Văn C thuộc hộ nghèo và có đơn đề nghị miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí. Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn cho chị Triệu Thị T, miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn cho anh Hà Văn C.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 2 - Tuyên Quang;
- UBND xã Kiên Đài (nơi ĐKKH);
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Lương Thị Huệ